

Số: 05/2022/NQ-HĐND

Đắk Nông, ngày 17 tháng 6 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG
KHÓA IV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình Mục tiêu quốc gia.

Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Xét Tờ trình số 3097/TTr-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị thông qua Nghị quyết ban hành Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Báo

cáo thẩm tra của Ban Văn hóa – Xã hội, Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông Khoá IV, Kỳ họp Chuyên đề lần thứ 3 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 27 tháng 6 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Lao động TBXH, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Thông tin và TT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban đảng Tỉnh ủy, Trường Chính trị tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh khóa IV;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, TP;
- UBND các xã trên địa bàn tỉnh;
- Công báo tỉnh; Công TTĐT tỉnh;
- Đài PT-TH tỉnh; Báo Đắk Nông;
- Trung tâm Lưu trữ - Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, CT HĐND, HC-TC-QT, HSKH.

CHỦ TỊCH



Lưu Văn Trung

QUY ĐỊNH

Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông
(Kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 17 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (sau đây viết tắt là Chương trình).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các Sở, Ban, ngành của tỉnh, các huyện, thành phố và các đơn vị sử dụng kinh phí Chương trình.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện Chương trình

1. Nguyên tắc phân bổ vốn và cơ chế lồng ghép, huy động các nguồn vốn

- Việc phân bổ vốn từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình bảo đảm tính công khai, minh bạch, công bằng, đúng quy định của pháp luật trong quản lý, tổ chức triển khai thực hiện, không để xảy ra thất thoát, lãng phí, tham nhũng, tiêu cực.

- Thực hiện đồng bộ các biện pháp quản lý và tăng cường lồng ghép các nguồn vốn thực hiện Chương trình, đảm bảo sử dụng vốn tập trung, tiết kiệm, hiệu quả; khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, trùng lắp, lãng phí.

- Các nguồn vốn huy động để thực hiện lồng ghép phải trên nguyên tắc tự nguyện, công khai, minh bạch, thông qua nhiều hình thức đóng góp (bằng tiền mặt, hiện vật, ngày công lao động,...)

2. Nguyên tắc thực hiện cơ chế đặc thù

Các dự án quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp được xem xét tổ chức thực hiện theo cơ chế đặc thù nhằm phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng dân cư tham gia vào quá trình lập kế hoạch tổ chức thực hiện và giám sát việc thực hiện Chương trình.

3. Nguyên tắc phân cấp

Phân công, phân cấp rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp trong thực hiện dự án, chính sách thống nhất, đồng bộ, hiệu quả. Thực hiện đẩy mạnh phân cấp trao quyền cho các địa phương, nhất là cấp cơ sở; phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng dân cư tham gia vào quá trình thực hiện Chương trình.

Điều 4. Quy định nguồn vốn và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình

1. Nguồn vốn thực hiện

Nguồn ngân sách Trung ương và vốn đối ứng của ngân sách địa phương đảm bảo theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan; Nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

2. Quy định tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình.

Ngân sách địa phương đảm bảo bố trí đủ vốn đối ứng cho Chương trình theo tỷ lệ quy định. Các huyện, thành phố không bố trí đủ nguồn vốn đối ứng theo quy định, khi phân bổ kế hoạch vốn năm sau sẽ trừ tương ứng với số vốn đối ứng không thực hiện trong năm kế hoạch.

Hàng năm, ngân sách địa phương (tỉnh, huyện) đối ứng tối thiểu bằng 10% tổng ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình, chia ra tỷ lệ vốn đối ứng như sau:

- Đối với huyện Đăk Glông, huyện Tuy Đức: Hàng năm, ngân sách tỉnh đối ứng cho mỗi huyện 70%, ngân sách huyện đối ứng 30% tổng ngân sách đối ứng của mỗi địa phương.

- Đối với huyện Krông Nô, huyện Đăk Song: Hàng năm, ngân sách tỉnh đối ứng cho mỗi huyện 30%, ngân sách huyện đối ứng 70% tổng ngân sách đối ứng của mỗi địa phương.

- Các huyện còn lại và thành phố Gia Nghĩa: Hàng năm, tự cân đối bố trí nguồn vốn đối ứng từ nguồn ngân sách địa phương.

Điều 5. Quy định chung về tiêu chí phân bổ

1. Quy mô dân số để tính hệ số được xác định căn cứ vào số liệu công bố của Cục Thống kê năm 2021.

2. Số liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo và tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo của các huyện, thành phố để tính hệ số được xác định căn cứ vào số liệu công bố kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2022-2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Huyện khu vực vùng cao, biên giới đất liền; đơn vị hành chính cấp xã của huyện, của tỉnh để tính hệ số được xác định căn cứ vào quyết định của cơ quan có thẩm quyền đến ngày 31 tháng 12 năm 2020.

4. Huyện nghèo do cấp có thẩm quyền phê duyệt theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025.

5. Lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên trên địa bàn các huyện, thành phố căn cứ số liệu công bố năm 2020 của Cục Thống kê tỉnh.

6. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng, thấp còi theo số liệu năm 2020 của Sở Y tế.

7. Số trường cao đẳng của tỉnh để tính điểm căn cứ vào số lượng thực tế tính đến năm 2021; cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập của các huyện, thành phố để tính hệ số được xác định căn cứ vào số liệu năm 2020; Số lượng tuyển sinh trên địa bàn huyện, thành phố để tính điểm căn cứ vào kết quả báo cáo kế hoạch tuyển sinh năm 2020 của các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh.

8. Trường hợp địa bàn đáp ứng nhiều chỉ số trong cùng một tiêu chí phân bổ vốn thì áp dụng chỉ số có hệ số phân bổ vốn cao nhất.

Điều 6. Xác định hệ số của từng tiêu chí theo từng Dự án

1. Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo

a) Tỷ lệ phân bổ: Phân bổ 100% ngân sách trung ương cho các huyện nghèo để triển khai thực hiện Dự án 1.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn đối với huyện nghèo:

STT	Tiêu chí	Hệ số
1	Quy mô dân số của huyện	
	Dưới 15.000 hộ	0,17
	Từ 15.000 hộ trở lên	0,2
2	Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	
	Dưới 55%	0,37
	Từ 55% trở lên	0,41
3	Đặc điểm địa lý của huyện	Hệ số
	Huyện có xã biên giới	0,14
	Huyện thuộc khu vực vùng cao	0,12
4	Số đơn vị hành chính cấp xã	Hệ số
	Dưới 10 xã	0,1

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện nghèo:

- Vốn hỗ trợ đầu tư phát triển phân bổ cho từng huyện nghèo được tính theo công thức: $A_i = Q.X_i$

Trong đó:

A_i là vốn đầu tư phát triển phân bổ cho huyện nghèo thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí của huyện nghèo thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện nghèo được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{T}$$

G là tổng số vốn đầu tư phát triển của ngân sách trung ương phân bổ cho các huyện nghèo để thực hiện Dự án 1.

T là tổng hệ số các tiêu chí của các huyện nghèo.

- Vốn sự nghiệp duy tu bảo dưỡng: Bằng 10% vốn đầu tư phát triển, theo kế hoạch vốn đầu tư phát triển trung hạn của từng địa phương.

d) Trường hợp Trung ương phân bổ vốn Dự án 1 cụ thể cho từng huyện nghèo thì thực hiện theo phân bổ của Trung ương, không áp dụng định mức phân bổ tại Điều này.

2. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

a) Tỷ lệ phân bổ: Phân bổ 20% ngân sách trung ương cho cơ quan cấp tỉnh chủ quản Dự án để phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Dự án điểm nhân rộng mô hình.

Phân bổ 80% ngân sách trung ương cho các địa phương triển khai thực hiện Dự án.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho huyện, thành phố:

STT	Tiêu chí	
1	Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố	Hệ số
	Dưới 5%	0,4
	Từ 5% đến dưới 15%	0,5
	Từ 15% đến dưới 30%	0,6
	Từ 30% trở lên	0,7
2	Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố	
	Dưới 3.000 hộ	0,4
	Từ 3.000 đến dưới 5.000 hộ	0,6
	Từ 5.000 hộ trở lên	0,8
3	Địa bàn khó khăn	
	Huyện nghèo	0,12
4	Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố	
	Dưới 10 xã	1
	Từ 10 đến 15 xã	1,3
	Từ 16 xã trở lên	1,5

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện, thành phố:

Vốn ngân sách phân bổ cho từng huyện, thành phố được tính theo công thức:
 $C_i = Q \cdot X_i$

Trong đó:

C_i là vốn ngân sách phân bổ cho huyện, thành phố thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí của huyện, thành phố thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{T}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho các huyện, thành phố để thực hiện Dự án 2.

T là tổng hệ số các tiêu chí của các huyện, thành phố.

3. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

a) Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

+ Tỷ lệ phân bổ: Phân bổ 20% ngân sách trung ương cho cơ quan cấp tỉnh chủ quản Dự án để phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

Phân bổ 80% ngân sách trung ương cho các huyện, thành phố để triển khai thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 3.

+ Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho huyện, thành phố:

STT	Tiêu chí	
1	Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố	Hệ số
	Dưới 5%	0,4
	Từ 5% đến dưới 15%	0,5
	Từ 15% đến dưới 30%	0,6
	Từ 30% trở lên	0,7
2	Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố	
	Dưới 3.000 hộ	0,4
	Từ 3.000 đến dưới 5.000 hộ	0,6
	Từ 5.000 hộ trở lên	0,8
3	Địa bàn khó khăn	
	Huyện nghèo	0,12
4	Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố	
	Dưới 10 xã	1
	Từ 10 đến 15 xã	1,3
	Từ 16 xã trở lên	1,5

+ Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện, thành phố:

Vốn ngân sách phân bổ cho từng huyện, thành phố được tính theo công thức:
 $D_i = Q \cdot X_i$

Trong đó:

D_i là vốn ngân sách phân bổ cho huyện, thành phố thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí của huyện, thành phố thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{T}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho các huyện, thành phố để thực hiện Tiêu dự án 1, thuộc Dự án 3.

T là tổng hệ số các tiêu chí của các huyện, thành phố.

b) Tiêu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

+ Tỷ lệ phân bổ: Phân bổ 20% ngân sách Trung ương cho cơ quan cấp tỉnh chủ quản Dự án để phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

Phân bổ 80% ngân sách trung ương cho các huyện, thành phố để triển khai thực hiện Tiêu dự án 2, Dự án 3.

+ Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện, thành phố:

STT	Tiêu chí	Hệ số
1	Địa bàn khó khăn	
	Huyện nghèo	0,12
2	Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố	
	Dưới 10 xã	1
	Từ 10 đến 15 xã	1,3
	Từ 16 xã trở lên	1,5
3	Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi của huyện, thành phố	Hệ số
	Trên 30%	1,6
	Từ 25% đến 30%	1,4
	Từ 20% đến dưới 25%	1,2
	Dưới 20%	1

+ Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện, thành phố:

Vốn ngân sách phân bổ cho từng huyện, thành phố được tính theo công thức:
 $E_i = Q \cdot X_i$

Trong đó:

E_i là vốn ngân sách phân bổ cho huyện, thành phố thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí của huyện, thành phố thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{T}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho các huyện, thành phố để thực hiện Tiểu dự án 2, thuộc Dự án 3.

T là tổng hệ số các tiêu chí của các huyện, thành phố.

4. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

a) Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn

+ Đối với vốn đầu tư phát triển

(1) Tỷ lệ phân bổ: Phân bổ 100% ngân sách trung ương thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 4 để đầu tư cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn huyện, thành phố và trường Cao đẳng công lập đã được lựa chọn ngành, nghề trọng điểm theo Quyết định số 1769/QĐ-LĐTĐ ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, trường trung cấp công lập, trường cao đẳng công lập khác để đầu tư ngành, nghề trọng điểm trong thời gian tới.

(2) Tiêu chí và hệ số phân bổ cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh:

- Đối với các trường cao đẳng công lập đã được lựa chọn ngành, nghề trọng điểm theo Quyết định số 1769/QĐ-LĐTĐ ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; ưu tiên căn cứ theo kế hoạch, phương án phân bổ kinh phí vốn đầu tư phát triển của Tiểu dự án 1 được cấp có thẩm quyền phê duyệt triển khai thực hiện giai đoạn 2021-2025.

- Đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn huyện, thành phố căn cứ theo các tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cụ thể sau:

STT	Tiêu chí	Hệ số
1	Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố	Hệ số
	Dưới 5%	0,4
	Từ 5% đến dưới 15%	0,5
	Từ 15% đến dưới 30%	0,6
	Từ 30% trở lên	0,7
2	Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố	
	Dưới 3.000 hộ	0,4
	Từ 3.000 đến dưới 5.000 hộ	0,6
	Từ 5.000 hộ trở lên	0,8
3	Số trường cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn huyện, thành phố	

	Có 01 trường	0,5
	Có 02 trường	0,6
	Có từ 03 trường trở lên	0,7
4	Số lượng tuyển sinh trên địa bàn huyện, thành phố	
	Dưới 500 người/năm	0,5
	Từ 500 người/năm đến dưới 1.000 người/năm	0,6
	Từ 1.000 người/năm trở lên	0,7

- Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện, thành phố:

Vốn hỗ trợ đầu tư phát triển phân bổ cho từng huyện, thành phố được tính theo công thức: $H_i = Q \cdot X_i$

Trong đó:

H_i là vốn đầu tư phát triển phân bổ cho các huyện, thành phố thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí của các huyện, thành phố thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{T}$$

G là tổng số vốn đầu tư phát triển của ngân sách Trung ương phân bổ để thực hiện Tiểu dự án 1, thuộc Dự án 4.

T là tổng hệ số các tiêu chí của các huyện, thành phố.

+ Đối với vốn sự nghiệp

(1) Phân bổ tối đa 20% tổng số vốn sự nghiệp ngân sách trung ương của Tiểu dự án 1, Dự án 4 cho cơ quan cấp tỉnh chủ quản Tiểu dự án để triển khai thực hiện.

(2) Phân bổ tối đa 40% tổng số vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương của Tiểu dự án 1, Dự án 4 cho các huyện, thành phố để hỗ trợ các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn.

- Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn:

STT	Tiêu chí	Hệ số
1	Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố	Hệ số
	Dưới 5%	0,4
	Từ 5% đến dưới 15%	0,5
	Từ 15% đến dưới 30%	0,6
	Từ 30% trở lên	0,7
2	Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố	
	Dưới 3.000 hộ	0,4

	Từ 3.000 đến dưới 5.000 hộ	0,6
	Từ 5.000 hộ trở lên	0,8
3	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn huyện, thành phố	
	Mỗi một cơ sở giáo dục nghề nghiệp	0,2
	Mỗi một trường cao đẳng	0,3
4	Số lượng tuyển sinh trên địa bàn huyện, thành phố	
	Dưới 500 người/năm	0,5
	Từ 500 người/năm đến dưới 1.000 người/năm	0,6
	Từ 1.000 người/năm trở lên	0,7

- Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện, thành phố:

Vốn sự nghiệp phân bổ cho từng huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$I_i = Q \cdot X_i$$

Trong đó:

I_i là vốn ngân sách phân bổ cho huyện, thành phố thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí của huyện, thành phố thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{T}$$

G là tổng số vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương phân bổ cho các huyện, thành phố để thực hiện Tiểu dự án 1, thuộc Dự án 4.

T là tổng hệ số các tiêu chí của các huyện, thành phố.

(3) Phân bổ tối thiểu 40% tổng số vốn sự nghiệp ngân sách trung ương của Tiểu dự án cho các huyện, thành phố để hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

- Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện, thành phố:

STT	Tiêu chí	Hệ số
1	Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố	Hệ số
	Dưới 5%	0,4
	Từ 5% đến dưới 15%	0,5
	Từ 15% đến dưới 30%	0,6
	Từ 30% trở lên	0,7
2	Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố	
	Dưới 3.000 hộ	0,4

	Từ 3.000 đến dưới 5.000 hộ	0,6
	Từ 5.000 hộ trở lên	0,8
3	Địa bàn khó khăn	
	Mỗi một huyện nghèo	0,12
4	Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố	
	Dưới 10 xã	1
	Từ 10 đến 15 xã	1,3
	Từ 16 xã trở lên	1,5
5	Số lượng tuyển sinh trên địa bàn huyện, thành phố	
	Dưới 500 người/năm	0,5
	Từ 500 người/năm đến dưới 1.000 người/năm	0,6
	Từ 1.000 người/năm trở lên	0,7

- Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện, thành phố:

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$K_i = Q \cdot X_i$$

Trong đó:

K_i là vốn ngân sách phân bổ cho huyện thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí của huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{T}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho các huyện, thành phố để thực hiện Tiêu dự án 1, thuộc Dự án 4.

T là tổng hệ số các tiêu chí của các huyện.

b) Tiêu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

+ Tỷ lệ phân bổ vốn: Phân bổ ngân sách trung ương cho cơ quan chủ quản Dự án cấp tỉnh và các huyện để triển khai thực hiện Tiêu dự án 2, Dự án 4.

- Phân bổ 40% ngân sách trung ương cho cơ quan cấp tỉnh chủ quản Tiêu dự án để thực hiện các nội dung: Chi hỗ trợ giới thiệu, tư vấn cho người lao động và thân nhân người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; Một phần chi phí đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo các hiệp định ký giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước tiếp nhận...

- Phân bổ 60% ngân sách trung ương cho các huyện nghèo để thực hiện các nội dung: Chi đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề, ngoại ngữ; hỗ trợ tiền ăn, sinh hoạt phí, tiền ở trong thời gian đào tạo (bao gồm cả thời gian tham gia giáo dục định hướng), trang cấp đồ dùng cá nhân thiết yếu; chi phí khám sức khỏe, hộ chiếu, thị thực và lý lịch tư pháp...

+ Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho huyện nghèo:

STT	Tiêu chí	Hệ số
1	Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	
	Dưới 55%	0,7
	Từ 55% trở lên	0,8
2	Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	Hệ số
	Dưới 7.000 hộ	0,5
	Từ 7.000 hộ trở lên	0,6
3	Địa bàn khó khăn	Hệ số
	Huyện có xã biên giới	0,14
	Huyện thuộc khu vực vùng cao	0,12

+ Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện nghèo:

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$L_i = Q \cdot X_i$$

Trong đó:

L_i là vốn ngân sách phân bổ cho huyện thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí của huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{T}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho các huyện, thành phố để thực hiện Tiểu dự án 2, thuộc Dự án 4.

T là tổng hệ số các tiêu chí của các huyện.

c) Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững

+ Tỷ lệ phân bổ vốn: Phân bổ ngân sách trung ương cho cơ quan chủ quản Dự án cấp tỉnh và các huyện để triển khai thực hiện Tiểu dự án 3, Dự án 4.

- Phân bổ 70% ngân sách trung ương cho cơ quan cấp tỉnh chủ quản Tiểu dự án để thực hiện các nội dung: Xây dựng cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động, sàn giao dịch việc làm trực tuyến và xây dựng cơ sở dữ liệu; Xây dựng cơ sở việc tìm người - người tìm việc; Tổ chức phiên giao dịch việc làm; Xây dựng phần mềm quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu

khác; Thu thập, phân tích, dự báo thị trường lao động; Hỗ trợ kết nối việc làm thành công...

- Phân bổ 30% ngân sách trung ương cho các huyện, thành phố để thực hiện các nội dung: Tổ chức phiên giao dịch việc làm tại địa phương; Thu thập thông tin về cung lao động...

+ Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương:

STT	Tiêu chí	Hệ số
1	Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố	Hệ số
	Dưới 5%	0,4
	Từ 5% đến dưới 15%	0,5
	Từ 15% đến dưới 30%	0,6
	Từ 30% trở lên	0,7
2	Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố	
	Dưới 3.000 hộ	0,4
	Từ 3.000 đến dưới 5.000 hộ	0,6
	Từ 5.000 hộ trở lên	0,8
3	Huyện, thành phố có lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên trên địa bàn	
	Dưới 20.000 người	1
	Từ 20.000 đến dưới 30.000 người	1,3
	Từ 30.000 đến dưới 40.000 người	1,6
	Từ 40.000 đến dưới 50.000 người	1,9
	Từ 50.000 đến dưới 60.000 người	2,2
	Từ 60.000 người trở lên	2,5

+ Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện, thành phố:

- Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$M_i = Q \cdot X_i$$

Trong đó:

M_i là vốn ngân sách phân bổ cho huyện, thành phố thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí của huyện, thành phố thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{T}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho các huyện, thành phố để thực hiện Tiểu dự án 3, thuộc Dự án 4.

T là tổng hệ số các tiêu chí của các huyện, thành phố.

5. Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo

a) Phân bổ vốn cho các địa phương phối hợp với các đơn vị có liên quan để tổ chức triển khai thực hiện trên cơ sở kế hoạch hằng năm căn cứ nhu cầu xây mới, sửa chữa nhà ở của hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo và đề xuất kinh phí hỗ trợ thực hiện.

b) Định mức hỗ trợ:

+ Đối với nhà xây dựng mới: Ngân sách trung ương: 40 triệu đồng;

+ Đối với sửa chữa nhà: Ngân sách trung ương: 20 triệu đồng.

6. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

a) Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin

Tỷ lệ phân bổ vốn: Phân bổ 100% ngân sách trung ương cho cơ quan cấp tỉnh chủ quản Tiểu dự án để triển khai thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 6.

b) Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo

Tỷ lệ phân bổ vốn: Phân bổ 100% ngân sách trung ương cho cơ quan cấp tỉnh chủ quản Tiểu dự án để thực hiện Tiểu dự án 2, Dự án 6.

7. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

a) Tỷ lệ phân bổ vốn: Phân bổ 40% ngân sách trung ương cho cơ quan cấp tỉnh chủ quản Dự án để phối hợp với các đơn vị có liên quan và địa phương để tổ chức triển khai thực hiện nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình.

Phân bổ 60% ngân sách trung ương cho các địa phương triển khai thực hiện Dự án.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho huyện, thành phố:

STT	Tiêu chí	Hệ số
1	Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố	Hệ số
	Dưới 5%	0,4
	Từ 5% đến dưới 15%	0,5
	Từ 15% đến dưới 30%	0,6
	Từ 30% trở lên	0,7
2	Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố	
	Dưới 3.000 hộ	0,4
	Từ 3.000 đến dưới 5.000 hộ	0,6

	Từ 5.000 hộ trở lên	0,8
3	Địa bàn khó khăn tại các huyện, thành phố	
	Huyện nghèo	0,12
4	Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố	
	Dưới 10 xã	1
	Từ 10 đến 15 xã	1,3
	Từ 16 xã trở lên	1,5

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện, thành phố:

Vốn ngân sách phân bổ cho từng huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$N_i = Q \cdot X_i$$

Trong đó:

D_i là vốn ngân sách phân bổ cho huyện, thành phố thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí của huyện, thành phố thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{T}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho các huyện, thành phố để thực hiện Dự án 7.

T là tổng hệ số các tiêu chí của các huyện, thành phố./.

